

NHỮNG PHƯƠNG THỨC DỊCH ĐOẠN TRẠNG ĐỘNG TỪ VỚI Ý NGHĨA CHỈ THỜI GIAN TỪ TIẾNG NGÀ SANG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

DZOÃN HÙNG

Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Nga

Đoạn trạng động từ là một cụm từ gồm trạng động từ cùng với những từ phụ thuộc vào nó.

Thí dụ : Кончив работу, он уехал.

Узнав новость, он быстро вскочил, лицо его побледнело.

Trạng động từ кончив có bổ ngữ là работу, узнав có bổ ngữ là новость. Hay nói cách khác, từ работу là từ phụ thuộc vào trạng động từ кончив và từ новость phụ thuộc vào узнав. Các cụm từ кончив работу và узнав новость là những đoạn trạng động từ.

Trong câu, đoạn trạng động từ có thể làm :

trạng ngữ chỉ thời gian :

Прочитав книгу, следует вернуть её в библиотеку.

(Đọc xong sách, phải trả lại thư viện).

Возвращаясь домой, мы дружески беседовали.

(Khi đi về nhà, chúng tôi chuyện trò thân mật).

trạng ngữ chỉ nguyên nhân :

Не поняв вопроса, студент не мог ответить на экзамене.

(Vì không hiểu câu hỏi, anh sinh viên không trả lời được trong kỳ thi).

Ушёл, почувствовав себя лишним.

(Tôi bỏ về vì cảm thấy mình là người thừa).

trạng ngữ chỉ sự nhượng bộ :

Имея всё необходимое, он вечно чем-то недоволен.

(Mặc dù có đầy đủ những thứ cần thiết, anh ta lúc nào cũng không hài lòng một điều gì đó).

trạng ngữ chỉ điều kiện :

Хорошенько подготовившись, ты сдашь этот экзамен.

(Nếu ôn tập tốt, em sẽ thi đỗ kỳ này).

Применив новый метод, бригада может перевыполнить норму.

(Nếu áp dụng phương pháp mới, đội sản xuất có thể sẽ vượt định mức).

Trong bài này chỉ đề cập tới đoạn trạng động từ với ý nghĩa chỉ thời gian và đưa ra một số phương thức dịch chúng sang tiếng Việt và tiếng Anh.

Đoạn trạng động từ với ý nghĩa chỉ thời gian có thể biểu đạt :

- Hành động xảy ra song song với hành động ở mệnh đề chính.

1. Phương thức liên từ tiếng Việt và phương thức V + ing tiếng Anh

Đoạn trạng động từ tiếng Nga với ý nghĩa chỉ thời gian có hành động xảy ra đồng thời với hành động ở mệnh đề chính được dịch sang tiếng Việt bằng phương thức liên từ và sang tiếng Anh bằng phương thức V + ing.

Thí dụ :

a) Суммируя факты, "Нью Йорк Таймс" делает такой вывод ...

Khi tập hợp những sự kiện, "Thời báo Nữu Ước" đưa ra kết luận như sau ...

Summing up the facts, New York Times concluded ...

b) Однажды среди недели, в праздник, Павел, уходя из дома, сказал матери ... (Горький).

Có một lần, vào ngày lễ giữa tuần, Pavel vừa bước ra khỏi nhà vừa dặn mẹ ...

On a holiday in the middle of the week, Pavel, in leaving the house, turned to his mother ...

Liên từ "KHI" trong thí dụ a là "nhân tố kết cấu không bắt buộc", ta có thể lược bỏ mà câu vẫn vẫn rõ ràng, trong sáng. Còn ở thí dụ b, liên từ "Vừa" là "nhân tố kết cấu bắt buộc", ta không thể bỏ được và cũng không thể thay bằng liên từ "KHI" được vì nó không đúng với cách nói thông dụng của người Việt Nam.

Tiếng Anh không có hình thái phù hợp với trạng động từ trong tiếng Nga. Chức năng trạng động từ tiếng Nga được truyền đạt sang tiếng Anh bằng hình thái V + ING tức là bằng tính động từ (participle) và danh động từ (gerund).

Hình thái tính động từ và danh động từ có hai chức năng chung trong câu : tính ngữ và trạng ngữ. Xét về phương diện ngữ nghĩa, trạng động từ tiếng Nga phù hợp với chức năng trạng ngữ của hai hình thái này. Đoạn trạng động từ tiếng Nga tương đương với đoạn tính động từ và đoạn danh động từ tiếng Anh. Việc phân biệt đoạn tính động từ với đoạn danh động từ không có gì khó khăn : đoạn tính động từ không có giới từ (thí dụ a), còn đoạn danh động từ luôn luôn có giới từ (thí dụ b).

Đoạn trạng động từ chỉ thời gian có hành động xảy ra trước hành động của mệnh đề chính cũng được truyền đạt sang tiếng Việt bằng phương thức liên từ và sang tiếng Anh bằng phương thức V + ING.

Thí dụ :

a) Наложив шины, Сьетлов взял полевую сумку Ветрина (Забелин).

Sau khi chắt xong những chiếc lốp. Xvet-lốp với lấy cái túi dã chiến của Ve-tơ-rin.

Having splinted the leg, Svetov took Vetrin's case.

- b) Увидев картины, почувствовала, что нужно больше знать о России. ("Новое Время")

Khi thấy những bức tranh, tôi cảm thấy rằng cần phải biết nhiều về nước Nga hơn nữa.

After seeing these pictures, I realized that we must know more about the Russia.

Thí dụ a và b được dịch sang tiếng Anh bằng phương thức đoạn tính động từ và đoạn danh động từ, nhưng phương thức đoạn danh động từ có khả năng diễn đạt rõ ràng hơn ý nghĩa thời gian xảy ra trước hành động của mệnh đề chính. Bản thân giới từ after đã diễn đạt được ý nghĩa đó.

2. Phương thức câu phụ

Đoạn trạng động từ với ý nghĩa thời gian có hành động xảy ra đồng thời với hành động của mệnh đề chính được dịch ra tiếng Việt và tiếng Anh bằng phương thức câu phụ.

Thí dụ :

- a) Читая, он надевал очки (Паустовский).

Mỗi khi đọc, ông ta phải đeo kính.

When he read he would put on spectacles.

- b) ... думал, шагая в сельсовет (Шолохов).

Khi bước chân tới Xô viết thôn, ông dăm chiêu suy nghĩ.

... he thought as strode to the Village Soviet.

- c) Оглядываясь по сторонам, Давыдов увидел Марину. (Шолохов)

As he glanced about him, Davidov saw Marina.

Qua ba thí dụ trên ta thấy câu phụ thời gian tiếng Anh có vị ngữ thể hiện bằng động từ thời quá khứ (Past indefinite Tense), được liên kết với câu chính bằng liên từ WHEN hay AS. Việc dùng liên từ nào là phụ thuộc vào ngữ cảnh : hành động lặp đi lặp lại - dùng WHEN, hành động xảy ra một lần - dùng AS.

3. Phương thức đoạn giới từ

Tiếng Việt không có phương thức này.

Đoạn giới từ tiếng Anh ở đây được hiểu là một cụm từ gồm có giới từ IN + DANH TỪ chỉ quá trình.

1. Đoạn trạng động từ tiếng Nga với ý nghĩa thời gian có hành động xảy ra trùng một phần hay toàn phần về thời gian với hành động xảy ra ở mệnh đề chính được dịch sang tiếng Anh bằng phương thức đoạn giới từ.

Thí dụ :

Дружески беседуя с директорами, я доказывал ...

In my friendly talks with works managers, I tried to drive them to the fact ...

Ở đây, chúng ta thấy đoạn giới từ tiếng Anh là cụm từ gồm có giới từ In + Danh từ cấu tạo từ động từ.

Trong tiếng Nga, đoạn trạng động từ có thể được thay bằng cụm gồm danh từ và giới từ biểu hiện quan hệ thời gian : В дружеских беседах hay Во время дружеских бесед ...

2. Đoạn trạng động từ với ý nghĩa chỉ thời gian có hành động xảy ra trước hành động ở mệnh đề chính được dịch ra tiếng Anh bằng đoạn giới từ phù hợp có giới từ ON hay AFTER.

Thí dụ :

Приехав к дому, увидел, что у подъезда стоит машина К.С. Грушевого ...

On my return I saw K.S. Grushevoi's car parked outside the building ...

Hay thí dụ khác :

Исай? - спросил Весовщиков, помолчав (Горький).

→ "Isai?" asked Vesovchikov after a pause.

Đoạn trạng động từ tiếng Nga với ý nghĩa thời gian không phải lúc nào cũng dịch được sang tiếng Anh bằng phương thức đoạn giới từ. Chúng chỉ dịch được trong trường hợp ở cả hai thứ tiếng Nga và Anh có đoạn gồm giới từ + Danh từ chỉ hành động, quá trình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Максимов Л. О грамматической синонимии в русском языке. М., 1996.
2. Черняховская Л.А. Перевод и смысловая структура. М., 1976.
3. Рецкер Я.И. Теория перевода и переводческая практика. М., 1974.
4. Дерибас Л.А. О замене деепричастий синонимичными конструкциями. М., 1981.